**BÀI 27. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**1. Công nghiệp năng lượng**

Gồm 2 phân ngành: công nghiệp khai thác nguyên nhiên liệu (than, dầu khí, kim loại phóng xạ) và sản xuất điện.

***a. Công nghiệp khai thác nguyên, nhiên liệu***

***- Công nghiệp khai thác than***

+ Than antraxít tập trung ở Quảng Ninh (trữ lượng hơn 3 tỉ tấn), than nâu ở Đồng bằng Sông Hồng (trữ lượng hàng chục tỉ tấn), than bùn ở Dồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là khu vực U Minh.

+ Sản lượng than khai thác liên tục tăng và đạt 42,5 triệu tấn (năm 2007).

***- Công nghiệp khai thác dầu khí***

+ Tập trung ở các bể trầm tích ngoài thềm lục địa với trữ lượng vài tỉ tấn dầu và hàng trăm tỉ m3 khí.

+ Hai bể trầm tích lớn có triển vọng về trữ lượng và khả năng khai thác: Cửu Long và Nam Côn Sơn.

+ Sản lượng dầu năm 2007 là 15,9 triệu tấn.

+ Ngành công nghiệp lọc - hóa dầu ra đời với nhà máy lọc dầu Dung Quất (Quảng Ngãi), công suất 6,5 triệu tấn/năm.

+ Khai thác khí tự nhiên với dự án Nam Côn Sơn đưa khí từ mỏ Lan Đỏ, Lan Tây về cho các nhà máy điện tuốc bin khí Phú Mỹ và Cà Mau; làm nguyên liệu sản xuất phân đạm (Phú Mỹ, Cà Mau).

***b. Công nghiệp điện lực***

***\* Tình hình phát triển***

- Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp điện lực.

- Sản lượng điện tăng rất nhanh, đạt 64,1 tỉ kWh (năm 2007).

- Về cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn: trong giai đoạn 1991 - 1996 thủy điện luôn chiếm hơn 70%, đến năm 2005 sản xuất điện từ than và khí chiếm khoảng 70% sản lượng.

- Về mạng lưới tải điện: đường dây siêu cao áp 500 kV từ Hoà Bình đến Phú Lâm (TP. Hồ Chí Minh) dài 1488 km.

***\* Thủy điện***

*-* Tiềm năng rất lớn, công suất khoảng 30 triệu KW, tập trung ở hệ thống sông Hồng (37%) và hệ thống sông Đồng Nai (19%).

*-* Các nhà máy thủy điện có công suất lớn đang hoạt động: Sơn La 2400MW, Hòa Bình 1920 MW, Lai Châu 1200MW, Yaly 720MW, Huội Quảng 520MW, Trị An 400MW, Hàm Thuận - Đa Mi 300MW, Na Hang (Tuyên Quang) 342MW,...

***\* Nhiệt điện***

- Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc là than; còn ở miền Trung và miền Nam dựa vào nguồn dầu nhập nội; từ 1995 có thêm khí tự nhiên phục vụ cho nhà máy điện tuốc bin khí Bà Rịa, Phú Mỹ và Cà Mau.

*-* Các nhà máy nhiệt điện lớn: Vũng Áng 1, Duyên Hải 1, Phả Lại, Mông Dương, Quảng Ninh, Phú Mỹ, Cà Mau, Vĩnh Tân 2,...

**2. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm**

- Là ngành công nghiệp trọng điểm có cơ cấu ngành đa dạng nhờ nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú; thị trường tiêu thụ rộng lớn trong và ngoài nước.

- Gồm 3 phân ngành: Chế biến sản phẩm trồng trọt; chế biến sản phẩm chăn nuôi; chế biến thủy, hải sản.

 *+ Chế biến sản phẩm trồng trọt:*xay xát; đường mía; chè, cà phê, thuốc lá; rượu, bia, nước ngọt; sản phẩm khác. Phân bố chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, các đô thị lớn...

 *+ Công nghiệp* *chế biến sản phẩm chăn nuôi:* sữa và các sản phẩm từ sữa; thịt và sản phẩm từ thịt. Phân bố ở các đô thị lớn và các địa phương chăn nuôi bò.

*+ Công nghiệp chế biến thuỷ, hải sản:* nước mắm; muối; tôm, cá và sản phẩm khác. Phân bố ở Đồng bằng sông Cửu Long; Cát Hải, Phan Thiết, Phú Quốc.

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP**

**Câu 1.** Vùng tập trung than nâu với quy mô lớn ở nước ta là

 A. Quảng Ninh. B. Lạng Sơn.

 C. Đồng bằng sông Hồng. D. Cà Mau.

**Câu 2**. Đường dây 500 KV ở nước ta nối

 A. Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh. B. Hoà Bình - Phú Lâm.

 C. Lạng Sơn - Cà Mau. D. Hoà Bình - Cà Mau.

**Câu 3.** Hai bể trầm tích có triển vọng nhất về trữ lượng và khả năng khai thác dầu khí ở nước ta là

 A. Cửu Long và Nam Côn Sơn. B. Cảnh Dương và Tri Tôn.

 C. Nam Côn Sơn và Tư Chính. D. Tri Tôn và Vịnh Bắc Bộ.

**Câu 4.** Công nghiệp năng lượng ở nước ta bao gồm những ngành nào?

 A. Khai thác than, dầu mỏ và khí đốt.

 B. Khai thác nguyên, nhiên liệu và sản xuất điện.

 C. Thủy điện, nhiệt điện và điện nguyên tử.

 D. Khai thác nguyên, nhiên liệu than, dầu.

**Câu 5.** Các nguồn nhiên liệu chủ yếu để sản xuất điện ở nước ta hiện nay là

 A. than, dầu khí, thủy năng. B. sức gió, năng lượng mặt trời, than.

 C. thủy triều, thủy năng, sức gió. D. than, dầu khí, địa nhiệt.

**Câu 6.** Nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta là

 A. thị trường tiêu thụ và chính sách phát triển.

 B. nguồn nguyên liệu và lao động có trình độ cao.

 C. nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ.

 D. nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

**Câu 7.** Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay vì

 A. có thế mạnh lâu dài (nguyên liệu, lao động, thị trường).

 B. đòi hỏi ít lao động.

 C. có giá trị sản xuất lớn.

 D. có công nghệ sản xuất hiện đại.

**Câu 8.** Vấn đề đặt ra trong khai thác dầu khí ở thềm lục địa là

 A. tránh để xảy ra các sự cố môi trường trong thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.

 B. tăng cường hợp tác với các nước để được chuyển giao công nghệ hiện đại.

 C. hợp tác toàn diện lao động nước ngoài.

 D. xây dựng nhà máy lọc dầu tại nơi khai thác.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trong các điểm du lịch sau đây, điểm du lịch nào là vườn quốc gia ở nước ta?

 A. Pleiku. B. Buôn Ma Thuột. C. Bà Nà. D. Chư Mom Ray.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng nhất nói về giá trị sản xuất hàng tiêu dùng năm 2000 - 2007?

 A. Giá trị sản xuất dệt may, da giày, giấy - in - văn phòng phẩm tăng liên tục.

 B. Giá trị sản xuất dệt may giảm, da giày tăng, giấy in, văn phòng phẩm tăng.

 C. Giá trị sản xuất da giày giảm, dệt may, giấy - in - văn phòng phẩm tăng.

 D. Giá trị sản xuất dệt may, da giày, giấy - in - văn phòng phẩm giảm liên tục.

**Câu 11.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào sau đây **không** phải trung tâm du lịch vùng?

 A. Hạ Long. B. Cần Thơ. C. Vũng Tàu. D. Đà Nẵng.

**Câu 12.** Cho bảng số liệu



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

 A. Sản lượng lúa đông xuân thấp nhất. B. Sản lượng lúa hè thu không ổn định.

 C. Sản lượng lúa các vụ không đều. D. Sản lượng lúa mùa luôn cao nhất.

**BÀI 28. VẤN ĐỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP**

**1. Khái niệm**

- Tổ chức lãnh thổ công nghiệp là sự sắp xếp, phối hợp giữa các quá trình và cơ sở sản xuất công nghiệptrên một lãnh thổ nhất định để sử dụng hợp lý các nguồn lực sẵn có nhằm đạt hiệu quả cao về các mặt kinh tế - xã hội - môi trường.

- Là công cụ hữu hiệu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**3. Các hình thức chủ yếu về tổ chức lãnh thổ công nghiệp**

***a. Điểm công nghiệp***

- Gồm 1 đến 2 xí nghiệp, không có mối liên hệ với nhau.

- Phân bố gần nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ.

- Đồng nhất với một điểm dân cư.

- Các điểm công nghiệp đơn lẻ thường hình thành ở Tây Nguyên, Tây Bắc.

***b. Khu công nghiệp***

- Mới được hình thành từ những năm 90 của thế kỷ XX cho đến nay. Do Chính phủ quyết định thành lập.

- Có ranh giới địa lí xác định, chuyên sản xuất công nghiệp và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp, không có dân cư sinh sống.

- Ở nước ta, ngoài khucông nghiệp tập trung còn có khu chế xuất, khu công nghệ cao.

**-** Phân bố: không đều, tập trung nhất ở Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải miền Trung.

***c. Trung tâm công nghiệp*** được hình thành trong quá trình công nghiệp hóa.

- Dựa vào vai trò của trung tâm công nghiệp, gồm các nhóm:

+ Trung tâm công nghiệp có ý nghĩa quốc gia: Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

+ Trung tâm công nghiệp có ý nghĩa vùng: Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ…

+ Trung tâm công nghiệp có ý nghĩa địa phương: Việt Trì, Thái Nguyên, Vinh, Nha Trang…

- Dựa vào giá trị sản xuất công nghiệp, chia thành: trung tâm rất lớn, lớn và trung bình.

***d. Vùng công nghiệp***

Theo quy hoạch của Bộ Công nghiệp (2001), cả nước được phân thành 6 vùng công nghiệp:

- Vùng 1: Các tỉnh thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ (trừ Quảng Ninh).

- Vùng 2: Các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng và Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Vùng 3: Các tỉnh từ Quảng Bình đến Ninh Thuận.

- Vùng 4: Các tỉnh thuộc Tây Nguyên (trừ Lâm Đồng).

- Vùng 5: Các tỉnh thuộc Đông Nam Bộ, Lâm Đồng, Bình Thuận.

- Vùng 6: Các tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Cửu Long.

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP**

**Câu 1.** Ở nước ta, vùng có nhiều khu công nghiệp tập trung nhất là

 A. đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải miền Trung.

 C. Đông Nam Bộ. D. đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 2.** Tỉnh Lâm Đồng nằm trong vùng công nghiệp

 A. số 3. B. số 4. C. số 5. D. số 6.

**Câu 3.** Đây là đặc điểm của một khu công nghiệp tập trung.

 A. Thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn.

 B. Có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.

 C. Thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.

 D. Ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.

**Câu 4.** Hình thức nào dưới đây **không** phải là hình thức chủ yếu về tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta?

 A. Khu công nghiệp. B. Xí nghiệp công nghiệp.

 C. Điểm công nghiệp. D. Trung tâm công nghiệp.

**Câu 5.** Khu công nghiệp được hình thành ở nước ta từ

 A. những năm 70 của thế kỉ XX. B. những năm 80 của thế kỉ XX.

 C. những năm 90 của thế kỉ XX. D. những năm đầu của thế kỉ XXI.

**Câu 6.** Ý nào sau đây **không** đúng với khu công nghiệp ở nước ta?

 A. Do chính phủ quyết định thành lập.

 B. Không có ranh giới địa lí xác định.

 C. Không có dân cư sinh sống.

 D. Chuyên sản xuất công nghiệp và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp.

**Câu 7.** Theo quy hoạch của Bộ công nghiệp (2001), vùng công nghiệp 1 bao gồm

 A. các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ, trừ Quảng Ninh.

 B. các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng và Quảng Ninh.

 C. các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng và Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

 D. các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 8.** Vùng công nghiệp số 6 thuộc

 A. các tỉnh Đông Nam Bộ và Bình Thuận Lâm Đồng.

 B. các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long.

 C. các tỉnh thuộc Tây Nguyên, trừ Lâm Đồng.

 D. các tỉnh thuộc Tây Nguyên và Lâm Đồng.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 21, hãy sắp xếp các trung tâm công nghiệp sau đây theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

 A. Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. B. Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng.

 C. Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng. D. Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Vinh thuộc tỉnh nào sau đây?

 A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

**Câu 11.** Căn cứvào Atlat địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây **không** nối Việt Nam với Campuchia?

 A. Mộc Bài. B. Bờ Y. C. Dinh Bà. D. Vĩnh Xương.

**Câu 12.** Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất khẩu hạt tiêu và cà phê nước ta, giai đoạn 2010 - 2016

Đơn vị: triệu USD

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2014** | **2016** |
| Hạt tiêu | 421,5 | 889,8 | 1 201,9 | 1 428,6 |
| Cà phê | 1 851,4 | 2 717,3 | 3 557,4 | 3 334,2 |

Trong bảng số liệu trên, để thể hiện giá trị xuất khẩu hạt tiêu và cà phê nước ta, giai đoạn 2010 - 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 A. Kết hợp. B. Miền. C. Tròn. D. Cột.